

SAO Y BẢN CHÍNH



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUẤN PHONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 14

QUỐC
CƠ
ƯU
KIẾN
S VÀ
QI

100
T
M
N
S
T

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Phong (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trương Hồng Phong	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Trương Hồng Phong	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2009

003
NG
HỆM
TỔA
TÀI
TỔC
SY

1/10/09
V
1/10/09
1/10/09



**Kiểm toán
Kế toán
Thuế
Tư vấn**

Số: 1304/2009/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Phong

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Phong

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Phong (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Tiến Dũng
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2009

Nguyễn Hoàng Giang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0997/KTV

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế
Thành viên hãng **AGN** International



Số 9, Lô 1A, Đường Trung Yên 1, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 (4) 3 783 2991 Fax: +84 (4) 3 783 2990 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

QUẢN LÝ VÀ CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MÃ SỐ B 01-DNN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.896.743.398	820.473.851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		46.754.125	225.486.313
I. Tiền	111	V.1	46.754.125	225.486.313
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.266.449.669	-
I. Phải thu khách hàng	131	V.2	1.266.449.669	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.583.539.604	594.987.538
I. Hàng tồn kho	141	V.3	1.583.539.604	594.987.538
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.616.064	600.000.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	V.4	253.624.000	600.000.000
I. Đầu tư tài chính dài hạn	231		300.000.000	600.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	239		(46.376.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	240		8.992.064	-
2. Tài sản dài hạn khác	248		8.992.064	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		3.159.359.462	1.420.473.851

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DNN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.879.786.980	326.035.508
I. Nợ ngắn hạn	310		1.879.786.980	326.035.508
1. Vay ngắn hạn	311	V.5	500.000.000	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	265.915.940
3. Người mua trả tiền trước	313		185.571.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.6	125.950.480	60.119.568
6. Chi phí phải trả	316	V.7	1.068.265.500	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.279.572.482	1.094.438.343
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.8	1.279.572.482	1.094.438.343
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000	1.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		279.572.482	94.438.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.159.359.462	1.420.473.851



Trần Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2009

Bành Thị Mai Hương
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 02-DNN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.333.532.415	1.148.235.285
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.333.532.415	1.148.235.285
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.695.192.764	561.663.988
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		638.339.651	586.571.297
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		20.597.543	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	46.376.000	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	25		362.717.551	455.406.932
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		249.843.643	131.164.365
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		249.843.643	131.164.365
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.4	64.709.504	36.726.022
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		185.134.139	94.438.343
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	185.134	93.438



Trần Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2009

Bành Thị Mai Hương
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 03-DNN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	249.843.643	131.164.365
2. Điều chỉnh cho các khoản:		46.376.000	-
- Các khoản dự phòng	03	46.376.000	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(1.274.951.831)	(305.678.052)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.266.449.669)	-
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(988.552.066)	(594.987.538)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	995.041.968	295.309.486
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(8.992.064)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.000.000)	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(978.732.188)	(174.513.687)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	300.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	300.000.000	-600.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.500.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	500.000.000	1.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(178.732.188)	225.486.313
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	225.486.313	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	46.754.125	225.486.313

2009
CÔNG
H NHIỆM
EM TẾ
VĂN TẢ
QUỐC
7/AV

366
J TY
NH
SÁN
AI GI
TẾ
T/P



Trần Anh Tuấn
Giám đốc

Bành Thị Mai Hương
Phụ trách kế toán

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DNN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tuấn Phong (gọi tắt là "Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 09 năm 2006. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 1.000.000 đồng với cơ cấu góp vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần
Trần Anh Tuấn	500
Trương Hồng Phong	400
Nguyễn Thị Thủy Dương	100
Cộng	1000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 9 người (năm 2007: 11 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, xuất nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất;
- Đại lý sơn, bột bả và các nguyên vật liệu khác;
- Sản xuất kinh doanh thiết bị vệ sinh, thiết bị xây dựng, nhôm, tôn, sắt, thép, vật liệu xây dựng khác;
- Tư vấn, môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- Kinh doanh, tư vấn, lắp đặt chế biến gỗ;
- Kinh doanh văn phòng phẩm; và
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty
 NỮ HI
 AN VA
 I CHIP
 TE
 1/1

Công ty
 NỮ HI
 AN VA
 I CHIP
 TE
 1/1

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	14.703.117	224.458.382
Tiền gửi ngân hàng	32.051.008	1.027.931
Cộng	46.754.125	225.486.313

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng	1.266.449.669	-
Cộng	1.266.449.669	-

3. Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Hàng hóa	1.583.539.604	594.987.538
Cộng	1.583.539.604	594.987.538

4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	300.000.000	600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(46.376.000)	-
Cộng	253.624.000	600.000.000

Năm 2007, Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt, số lượng 8.000 cổ phần, mệnh giá là 50.000 đồng/cổ phần, giá mua 75.000 đồng/cổ phần. Tại ngày 31/12/2008 Công ty còn sở hữu 4.000 cổ phần và theo Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty cổ phần Kiến trúc Việt, giá trị sổ sách mỗi cổ phần là 63.406 đồng/cổ phần. Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán giữa giá mua và giá trị sổ sách là 46.376.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Vay ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trương Hồng Phong	500.000.000	
Cộng	500.000.000	-

6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	36.514.954	29.393.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.435.526	30.726.022
Cộng	125.950.480	60.119.568

7. Chi phí phải trả

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	1.068.265.500	-
Cộng	1.068.265.500	-

8. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2007	-	-	-
Vốn góp tăng trong năm	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	94.438.343	94.438.343
Số dư tại ngày 01/01/2008	1.000.000.000	94.438.343	1.094.438.343
Lãi trong năm nay	-	185.134.139	185.134.139
Số dư tại ngày 31/12/2008	1.000.000.000	279.572.482	1.279.572.482

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trần Anh Tuấn	500.000.000	500.000.000
Trương Hồng Phong	400.000.000	400.000.000
Nguyễn Thị Thùy Dương	100.000.000	100.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

c) Cổ phiếu

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000	1.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000	1.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000	1.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000	1.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000	1.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 1.000.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.333.532.415	1.148.235.285
- Doanh thu bán hàng hóa	3.006.259.415	948.235.285
- Doanh thu hoạt động xây dựng	327.273.000	200.000.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.333.532.415	1.148.235.285

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.500.445.069	510.266.216
Giá vốn của thành phẩm đã bán	194.747.695	51.397.772
Cộng	2.695.192.764	561.663.988

3. Chi phí tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	46.376.000	-
Cộng	46.376.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận trước thuế	249.843.643	131.164.365
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	249.843.643	131.164.365
Thuế suất hiện hành	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.956.220	36.726.022
Thuế TNDN được miễn giảm trong năm (*)	5.246.717	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	64.709.504	36.726.022

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm là số thuế thu nhập được miễn giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	185.134.139	93.438.343
- Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	1.000	1.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.000	1.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	185.134	93.438

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 1.000.000 đồng/1 cổ phiếu.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

2. Số liệu so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Trần Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm
2009

Bành Thị Mai Hương
Phụ trách kế toán